

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/HS-ST  
Ngày: 28-9-2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Xuân Tạo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Ông Hồ Đắc Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2017/TLST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2017/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn Đ (tên thường gọi khác là T), sinh năm 1983, tại Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện tại: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn M, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1957; có 02 vợ: Bùi Thị Bích T, sinh năm 1982 (đã ly hôn theo quy định pháp luật) và Đinh Thị T, sinh năm 1990; có 02 con, lớn 14 tuổi và nhỏ 04 tuổi. Tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/6/2017. Có mặt.

**- Bị hại:** Ông Lê Hữu T, sinh năm 1968; HKTT: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1974. HKTT: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

**- Người làm chứng:**

1. NLC 1: Có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. NLC2: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ là đối tượng không có việc làm. Do không có tiền nên ngày 11/6/2017, Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 11/6/2017, Đ đi xe buýt từ nhà trọ thuộc huyện T, tỉnh Tây Ninh đến huyện D, tỉnh Bình Dương tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Đến khoảng 10 giờ 15 phút cùng ngày, Đ đến bến xe buýt huyện D, sau đó đi bộ đến khu vực chợ tự phát (sân bay cũ) thuộc khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Tại đây, Đ thấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: FUTURE FI, màu sơn: Đen ghi, biển số 61H1-329.71, số máy: JC54E3139557, số khung: 537EZ049597 của ông Lê Hữu T, sinh năm 1968, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương dựng trước quầy bán quần áo, có cắm sẵn chìa khoá trên xe và không có người trông coi nên Đ đi đến chỗ để xe mô tô gạt cần chống xe lên và đẩy bộ đi khoảng 2m thì mở khoá xe và đề máy nhưng không được, do xe ông T cài đặt hệ thống chống trộm nên hệ thống chống trộm phát âm thanh báo động. Lúc này, ông T phát hiện nên đã truy hô, cùng người dân bắt quả tang Đ cùng tang vật và giao cho Cơ quan Công an thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương xử lý.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D thu giữ vật chứng gồm:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: FUTURE FI, màu sơn: Đen ghi, biển số 61H1-329.71, số máy: JC54E3139557, số khung: 537EZ049597;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, màu sơn đỏ;

- 01 (một) nón kết màu xanh lá cây, đầu mũ nón có ghi chữ POLICE.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 30/KLĐG ngày 14/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện D kết luận (bút lục 67): 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: FUTURE FI, màu sơn: Đen ghi, biển số 61H1-329.71, số máy: JC54E3139557, số khung: 537EZ049597 có giá trị là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đ và người bị hại T không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 18/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): Xử phạt bị cáo Đ với mức hình phạt từ 10-12 tháng tù.

- Phần bồi thường dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì khác.

- Xử lý vật chứng:

+ Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: FUTURE FI, màu sơn: Đen ghi, biển số 61H1-329.71, số máy: JC54E3139557, số khung: 537EZ049597: Đây là tài sản hợp pháp của bà C. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp là bà C căn cứ vào Quyết định xử lý vật chứng số 17/QĐ-CSĐT ngày 16/6/2017 (bút lục 68) và Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 16/6/2017 (bút lục 69).

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, màu sơn đỏ và 01 (một) nón kết màu xanh lá cây, đầu mũ nón có ghi chữ POLICE: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bị cáo Đ, không sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo Đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đ không có ý kiến gì khác, đồng ý đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương theo Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 18/8/2017.

Bị cáo Đ trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm có điều kiện cải tạo làm công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện: Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 11/6/2017, bị cáo Đ đi bộ đến khu vực chợ tự phát (sân bay cũ) thuộc khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Tại đây, bị cáo Đ thấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: FUTURE FI, màu sơn: Đen ghi, biển số 61H1-329.71, số máy: JC54E3139557, số khung: 537EZ049597 của bị hại Lê Hữu T, sinh năm 1968, HKTT: Ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương dựng trước quầy bán quần áo, có cắm sẵn chìa khoá trên xe và không có người trông coi nên bị cáo Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo Đ đi đến chỗ để xe mô tô, gạt cần chống xe lên và đẩy bộ đi khoảng 02m thì mở khoá xe và đề máy nhưng không được, vì xe có

cài đặt hệ thống chống trộm. Do hệ thống chống trộm phát âm thanh báo động nên bị hại T phát hiện và truy hô, cùng người dân bắt quả tang bị cáo Đ cùng tang vật. Lời khai nhận của bị cáo Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng với các tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, bản Cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 18/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đơn giản nhưng đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo Đ là người có đầy đủ năng lực hành vi. Về nhận thức, bị cáo biết việc lén lút lấy cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bất chấp hậu quả miễn sao có tiền thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hậu quả là bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại T với tổng giá trị là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) theo bản Kết luận định giá tài sản số 30/KLĐG ngày 14/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện D. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định.

[4] Để bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật và đảm bảo công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm xâm hại đến quyền sở hữu tài sản thì cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo bằng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm mục đích răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt sau này và giúp phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Ngoài ra, căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì việc bị cáo có mẹ ruột - bà Nguyễn Thị Ngọc H được chính quyền địa phương xác nhận có công với cách mạng được xem là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử áp

dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng g: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Đ về phần tội danh, điều khoản truy tố là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được chấp nhận. Tuy nhiên, về mức hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần giảm nhẹ một phần mức hình phạt đối với bị cáo so với mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại: FUTURE FI, màu sơn: Đen ghi, biển số 61H1-329.71, số máy: JC54E3139557, số khung: 537EZ049597: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, màu sơn đỏ và 01 (một) nón kết màu xanh lá cây, đầu mũ nón có ghi chữ POLICE là tài sản hợp pháp của bị cáo Đ, không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đ.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 08 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/6/2017.

2. Trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không xem xét.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, tuyên:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, màu sơn đỏ và 01 (một) nón kết màu xanh lá cây, đầu mũ nón có ghi chữ POLICE.

*(Tài sản hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số tờ 49/2017 ngày 17/8/2017)*

#### 4. Án phí:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2017). Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Xuân Tạo**